

Số: 95/KH-UBND

Thượng Lộ, ngày 03 tháng 10 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai chương trình Chuyển đổi số xã Thượng Lộ**  
**đến năm 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về việc triển khai chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện Nam Đông về Kế hoạch Triển khai chương trình Chuyển đổi số huyện Nam Đông đến năm 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

UBND xã Thượng Lộ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

**I. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Mục tiêu tổng quát về chuyển đổi số xã Thượng Lộ là phát triển chính quyền số, xây dựng xã hội số, phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực trên tinh thần: “Đến năm 2030 góp phần cùng với tỉnh Thừa Thiên Huế, là một trong những trung tâm đặc sắc của tỉnh về văn hóa, du lịch và y tế; một trong những trung tâm lớn của cả tỉnh về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao”.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Mục tiêu cơ bản đến 2025**

- 100% hoạt động quản lý nhà nước sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (Ngoại trừ các văn bản Mật theo quy định).

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên môi trường mạng.

- 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh được xác thực định danh điện tử thông suốt hợp nhất từ hệ thống của tỉnh và Trung ương.

- 100% cơ quan nhà nước xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành.

- 60% dữ liệu quản lý của cơ quan hành chính nhà nước được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh và đưa vào khai thác hiệu quả.

- 80% tiêu chí đánh giá xếp loại cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức dựa trên dữ liệu số được tổng hợp từ các hệ thống thông tin chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh.

- Hoàn thiện mô hình cơ sở dữ liệu tập trung, chia sẻ liên thông trong nội bộ huyện và các cơ sở dữ liệu quốc gia. Xây dựng Cổng thông tin dữ liệu mở để chia sẻ dữ liệu cho cộng đồng phục vụ phát triển chính quyền số, phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

- 100% địa bàn hành chính được kéo cáp quang internet.

- 100% phủ sóng mạng 4G/5G.

- Cơ bản các hộ gia đình trên toàn xã được phổ cập internet.

- 50% người dùng smartphone được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.

- 80% người dân đảm bảo điều kiện được phổ cập điện thoại thông minh.

- 50% người dùng smartphone tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử.

- 90% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- 70% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

## **2.2. Mục tiêu cơ bản đến 2030**

Hình thành và hoàn thiện hệ sinh thái số trên địa bàn xã, thúc đẩy đạt mục tiêu xây dựng thành công chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu được thu thập hoàn thiện và chia sẻ toàn diện nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã (trừ những dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

## **II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

Phụ lục 1: Phân công theo dõi, đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu.

Phụ lục 2: Hệ thống các văn bản, chương trình.

Phụ lục 3: Danh mục dự án triển khai.

Phụ lục 4: Bộ tiêu chí chuyên đổi số.

(Có phụ lục kèm theo)

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

#### **1. Đối với các nhiệm vụ của UBND xã**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm của địa phương.
- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

#### **2. Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số của doanh nghiệp**

- Kinh phí triển khai là của doanh nghiệp để chuyển đổi sang mô hình kinh doanh mới.
- Nhà nước hỗ trợ chủ yếu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (phục vụ công tác kết nối, tư vấn, đào tạo, ...).

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Công chức Văn phòng- Thống kê:**

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai, chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Chương trình, đề xuất phương án giải quyết, báo cáo chủ tịch UBND xã xem xét, quyết định.
- Nghiên cứu đề xuất các chính sách thử nghiệm (sandbox).
- Tổ chức triển khai các công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và huyện, xã.
- Là đơn vị đầu mối, chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nội dung hợp tác quốc tế về chuyển đổi số.
- Định kỳ hàng quý gửi báo cáo UBND huyện ( qua Phòng Văn hóa- Thông tin huyện) tình hình triển khai Chương trình.

#### **2. Công chức ĐC, XD-NN&MT:**

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Phối hợp chặt chẽ với ngành, doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến ứng dụng trí tuệ nhân tạo.
- Nghiên cứu đề xuất cơ chế để các doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

#### **3. Công chức TC-KT:**

Cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Kế hoạch này.

#### **4. Các doanh nghiệp trên địa bàn xã**

- Các doanh nghiệp trên địa bàn xã... làm đầu mối để hỗ trợ phát triển kinh tế số, doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch triển khai chương trình Chuyển đổi số xã Thượng Lộ đến năm 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Chính**

**Phụ lục 1**  
**PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**  
*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 95/KH-UBND ngày 03/10/2023*  
*của UBND xã Thượng Lộ)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>
<b>I.</b>	<b>Đến năm 2025</b>		
1.	100% hoạt động quản lý nhà nước sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông từ cấp huyện đến cấp xã và liên thông với Quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (Ngoại trừ các văn bản Mật theo quy định)	Công chức VP-TK	CBCC xã
2.	100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên môi trường mạng	Bộ phận TN&TKQ xã	CBCC xã
3.	100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh được xác thực định danh điện tử thông suốt hợp nhất từ hệ thống Trung ương	Công chức VP-TK	
4.	100% cơ quan nhà nước xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành	Công chức VP-TK	CBCC xã
5.	60% dữ liệu quản lý của cơ quan hành chính nhà nước được số hóa, lưu trữ tập trung tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh và đưa vào khai thác hiệu quả	Công chức VP-TK	
6.	80% tiêu chí đánh giá xếp loại cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức dựa trên dữ liệu số được tổng hợp từ các hệ thống thông tin chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh	Công chức VP-TK	CBCC xã
7.	100% địa bàn hành chính được kéo cáp quang internet	Công chức VP-TK	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chỉ tiêu</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>
8.	100% phủ sóng mạng 4G/5G	Công chức VP-TK	
9.	50% người dùng smartphone được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh	Công chức VP-TK	Công chức VH-XH
10.	80% người dân đảm bảo điều kiện được phổ cập điện thoại thông minh	Công chức VP-TK	Công chức VH-XH
11.	50% người dùng smartphone tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử.	Công chức VP-TK	Công chức VH-XH
12.	90% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh	Công chức VP-TK	Các doanh nghiệp trên địa bàn xã
13.	70% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng	Công chức VP-TK	Các doanh nghiệp trên địa bàn xã

**Phụ lục 2**  
**HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN, CHƯƠNG TRÌNH**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 95/KH-UBND ngày 03/10/2023 của UBND xã Thượng Lộ)*

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Phối hợp</b>	<b>Loại hình</b>
<b>I. Nhóm văn bản</b>				
1	Kế hoạch chuyển đổi số	Công chức VP-TK	CBCC	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Văn bản chỉ đạo thường xuyên của Chủ tịch UBND XÃ về triển khai chuyển đổi số (ít nhất 3 văn bản 1 năm)	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Kiến trúc Chính quyền điện tử	Công chức VP-TK	CBCC	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh	Công chức VP-TK	CBCC	Giai đoạn 2021 đến 2025
5	Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử	Công chức VP-TK	CBCC	Giai đoạn 2021 đến 2025
6	Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công	Bộ phận TN&TKQ		Giai đoạn 2021 đến 2025
7	Quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính	Bộ phận TN&TKQ		Giai đoạn 2021 đến 2025
8	Kế hoạch về số hóa thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết.	Bộ phận TN&TKQ		Giai đoạn 2021 đến 2025

9	Chính sách về cơ sở dữ liệu (Chiến lược dữ liệu, danh mục dữ liệu; danh mục CSDL; Quy chế khai thác; sử dụng dữ liệu; kế hoạch mở dữ liệu)	Công chức VP-TK	CBCC	Giai đoạn 2021 đến 2025
10	Cập nhật mã định danh theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
11	Cập nhật quy chế, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
12	Chính sách chuyển đổi số trong từng lĩnh vực (8 lĩnh vực ưu tiên)	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
13	Kiện toàn, bổ sung chức năng về chuyển đổi số cho Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
14	Triển khai tiêu chuẩn và quy định về cán bộ chuyên trách về Chuyển đổi số	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
15	Kiện toàn tổ chức và bổ sung chức năng, nhiệm vụ chuyển đổi số	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>II. Nhóm các chương trình</b>				
1	Tổ chức ít nhất 15 cuộc họp, hội nghị do Chủ tịch UBND xã chủ trì về chuyển đổi số	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Tổ chức triển khai kiến trúc Chính quyền số	Công chức VP-TK		Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Triển khai cơ chế để các doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số	Công chức ĐC-XD-NN&MT		Giai đoạn 2021 đến 2025



**Phụ lục 3**  
**DANH MỤC DỰ ÁN TRIỂN KHAI**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 02/10/2023 của UBND xã Thượng Lộ)*

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chủ trì</b>	<b>Năm thực hiện</b>
<b>A</b>	<b>Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số</b>		
<b>I</b>	<b>Nhóm dự án chuyển đổi nhận thức</b>		
1	Xây dựng chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của xã trên Cổng Thông tin điện tử xã	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Phổ cập ứng dụng Hue-S đến 100% người dùng có sử dụng điện thoại di động thông minh trên địa bàn xã	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Triển khai chuyên mục chuyển đổi số trên Đài phát thanh xã	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>II</b>	<b>Phát triển hạ tầng số</b>		
1	Hoàn thiện mô hình Trung tâm dữ liệu dùng chung; Xây dựng và triển khai hạ tầng điện toán đám mây (Cloud Computing) đáp ứng chương trình chuyển đổi số đến năm 2030;	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Triển khai hạ tầng dự phòng thảm họa phục vụ cho chương trình chuyển đổi số đến 2030	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Chuyển đổi địa chỉ IP trong cơ quan nhà nước qua giao thức thế hệ mới (Ipv6) trong cơ quan nhà nước.	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Nâng cấp hệ thống mạng số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan nhà nước đáp ứng chương trình chuyển đổi số	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025

5	Phát triển hạ tầng IOT phục vụ chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
6	Phủ sóng mạng thế hệ mới (5G) toàn xã phục vụ phát triển xã hội số và dịch vụ đô thị thông minh	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>III</b>	<b>Số hóa nguồn dữ liệu</b>		
1	Số hóa dữ liệu chuyên ngành	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Chuẩn hóa dữ liệu chia sẻ doanh nghiệp, tổ chức	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Triển khai các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành; Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ tiêu kinh tế xã hội.	Công chức TC-KT	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Triển khai kết nối, chia sẻ CSDL chuyên ngành với trục LGSP của xã phục vụ công tác chuyển đổi số	Công chức ĐC, XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
5	Tích hợp số liệu trên nền tảng dữ liệu lớn và công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data)	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>IV</b>	<b>Xây dựng nền tảng số</b>		
1	Triển khai xây dựng kiến trúc chuyển đổi số và hệ thống nền tảng số	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Tích hợp lên các nền tảng số quan trọng: Số hóa, định danh điện tử, Internet vạn vật (IOT), Dữ liệu lớn (Big Data), Trí tuệ nhân tạo (AI), Nền tảng chuỗi khối (Blockchain)	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Kết nối, tích hợp và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của các đơn vị cung cấp dịch vụ công ích, xã hội và các dịch vụ công cộng	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Triển khai mạng lưới phát thanh thông minh	Công chức VH-XH	Giai đoạn 2021 đến 2025

<b>V</b>	<b>Đảm bảo an toàn thông tin</b>		
1	Phối hợp, xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC)	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Triển khai chữ ký số 100% cán bộ, công chức cơ quan nhà nước	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Xây dựng nền tảng và hệ thống quy chuẩn đảm bảo an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số đến 2030	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Triển khai hệ thống xác thực định danh trên nền tảng số	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>VI</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực</b>		
1	Tổ chức tập huấn về các công nghệ mới cho cán bộ, công chức xã	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>B</b>	<b>Phát triển Chính quyền số</b>		
1	Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ hoàn thiện phát triển chính quyền số	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc theo hướng dịch vụ thông minh	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Chuyển hóa các hệ thống thông tin dùng chung trong cơ quan nhà nước huyện theo kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 và Kiến trúc ICT đô thị thông minh	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Nâng cấp hệ thống thông tin dịch vụ công theo yêu cầu thực tiễn mới và mô hình thí điểm phục vụ dịch vụ công mọi lúc mọi nơi	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
5	Hệ thống thông tin chuẩn Công sở số, phòng họp số tích hợp trung tâm giám sát ngành thông minh trong cơ quan nhà nước	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025

6	Triển khai bản đồ số, mạng xã hội dành riêng cho cán bộ, công chức, các dịch vụ cơ bản về trí tuệ nhân tạo (AI) thu thập dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định, phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước trên nền tảng số trong cơ quan nhà nước.	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>C</b>	<b>Phát triển kinh tế số</b>		
1	Nghiên cứu, phát triển thị trường thương mại điện tử trên địa bàn xã	Công chức ĐC, XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Triển khai chương trình khởi nghiệp sáng tạo thúc đẩy phát triển kinh tế số	Công chức ĐC, XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Phát triển hạ tầng số phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn xã	Công chức ĐC, XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>D</b>	<b>Phát triển xã hội số</b>		
1	Phổ cập điện thoại di động thông minh đảm bảo 80% người dân đảm bảo điều kiện có điện thoại di động thông minh	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
2	Hoàn thiện ứng dụng dùng chung thống nhất phục vụ chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên nền tảng di động (Hue-S)	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Triển khai Wifi công cộng phục vụ du khách, người dân.	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
<b>E</b>	<b>Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực ưu tiên</b>		
1	triển khai xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc.	Tram Y tế xã	Giai đoạn 2021 đến 2025

2	Phối hợp, xây dựng nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Du lịch thông minh	Công chức VH-XH	Giai đoạn 2021 đến 2025
3	Phối hợp, xây dựng nền tảng số và chuyển đổi số toàn diện ngành Văn hóa, thể thao. Tích hợp vào hệ thống dịch vụ thông minh ngành Văn hóa, thể thao. Ứng dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường (AR/VR) tại các di tích, điểm đến thuộc huyện	Công chức VH-XH	Giai đoạn 2021 đến 2025
4	Phối hợp, xây dựng nền tảng số và phát triển dịch vụ giám sát, điều hành Giao thông thông minh	Công chức ĐC,XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
5	Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các trung tâm logistics	Công chức ĐC,XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
6	Chuyển đổi số trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy các ứng dụng, tiến bộ khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý nguồn nước, phát triển các giải pháp tưới tiết kiệm, thích ứng biến đổi khí hậu hướng đến ngành Nông nghiệp thông minh	Công chức ĐC,XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
7	Phối hợp, triển khai Ứng dụng thông minh trong việc giám sát quá trình vận hành của các hồ, đập; theo dõi lượng mưa tại các hồ, đập; giám sát tình hình ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, ô nhiễm không khí, môi trường nước; giám sát dịch vụ cung cấp nước sạch; giám sát ô nhiễm đất đai, tiếng ồn;... Ứng dụng thông minh trong việc đánh giá tình hình phát triển thành phố xanh, đẩy mạnh giảm tiêu hao năng lượng	Công chức ĐC,XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025
8	Phối hợp triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2025	Công chức VP-TK	Giai đoạn 2021 đến 2025
9	Triển khai hệ sinh thái khởi nghiệp, sáng tạo	Công chức ĐC,XD-NN&MT	Giai đoạn 2021 đến 2025



**Phụ lục 4**  
**BỘ TIÊU CHÍ CHUYÊN ĐỔI SỐ**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số:95/KH-UBND ngày 03/10/2023 của UBND xã Thượng Lộ)

ST T	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		600				
I	Nhận thức số	90				
1	Người đứng đầu địa phương là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số (BCĐ CDS)					
1.1	Ban hành Quyết định thành lập BCĐ CDS của địa phương do người đứng đầu làm trưởng ban	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thành lập BCĐ CDS địa phương do người đứng đầu (Chủ tịch UBND cấp xã/ Bí thư Đảng ủy cấp xã) làm trưởng ban. 2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu đơn vị làm Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 100% tiêu chí - Cấp Phó của người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 50% tiêu chí	File điện tử có ký số Quyết định thành lập	
2	Người đứng đầu địa phương chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số (CDS)					

2.1	Tham gia đầy đủ các phiên họp BCD CDS của huyện	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Thành viên BCD CDS của cấp huyện từ các đơn vị cấp xã tham gia họp BCD CDS của cấp huyện</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cuộc họp tham gia là 4 cuộc cho 4 quý của năm đạt 2 điểm, tham gia 1 cuộc được tính 0,5 điểm</li> <li>- Các đơn vị không có lãnh đạo đơn vị là thành viên BCD CDS của huyện sẽ không đánh giá tiêu chí này.</li> </ul>	Văn bản báo cáo thông kê có ký số từ đơn vị chủ trì tổ chức	
2.2	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 1	2	31.3	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 1 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 1 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số.</li> <li>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	
2.3	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 2	2	30.6	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 2 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 2 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số.</li> <li>- Kết luận -Hình ảnh cuộc họp</li> </ul>	



2.4	Tổ chức phiên họp BCĐ CDS của địa phương Quý 3	2	30.9	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 3 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 3 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số.</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>
2.5	Tổ chức phiên họp BCĐ CDS của địa phương Quý 4	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 4 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 4 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận cuộc họp - Hình ảnh cuộc họp</p>
3	<b>Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu địa phương ký</b>				
3.1	Văn bản chỉ đạo về chính quyền số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về chính quyền số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về Chính quyền số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 50% điểm tiêu chí</p>	<p>- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ</p>

3.2	Văn bản chỉ đạo về kinh tế số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về kinh tế số liên quan lĩnh vực, địa phương quản lý trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về kinh tế số; Văn bản chỉ đạo công tác phát triển kinh tế số ....</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
3.3	Văn bản chỉ đạo về xã hội số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về xã hội số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về xã hội số; Văn bản chỉ đạo CBCCVC, người lao động tham gia thúc đẩy phát triển xã hội số trực tiếp trên Hue-S trong các lĩnh vực cơ bản: Dịch vụ công, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp, y tế, giao dục, giao thông, du lịch.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
4	<b>Chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số</b>					

4.1	Có tin, bài về CDS cung cấp lên Cổng CDS của tỉnh (tối thiểu 2 bài/ 1 năm)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị cung cấp thường xuyên các tin bài lên trang chuyên đổi số của tỉnh tại địa chỉ : <a href="https://dx.thuathienhue.gov.vn">https://dx.thuathienhue.gov.vn</a> , bao gồm: Tin hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, tin hoạt động của đơn vị, tin về kết quả của đơn vị liên quan đến hoạt động chuyên đổi số.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 02 tin bài được phê duyệt và đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh: đạt 100% điểm. - 01 tin bài: 50% điểm; 0 tin bài: 0 điểm</p>	Các đơn vị chủ động cung cấp file danh sách các tin bài đã được phê duyệt đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh.	
5	<b>Cổng thông tin điện tử của địa phương có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
5.1	Trang thông tin điện tử (TTĐT) của UBND cấp xã có chuyên mục CDS	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có khởi tạo chuyên mục đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Liên kết của chuyên mục CDS trên trang/ cổng thông tin điện tử	
5.2	Có tin, bài về CDS (tối thiểu 1 tháng 1 tin bài)	6	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: -Cập nhật tin bài tối thiểu 1 tin bài/1 tháng đạt 100% điểm tiêu chí ( Số tin bài được chấm điểm theo tỷ lệ % quy đổi )</p>	Báo cáo danh sách (Kèm theo liên kết trên trang/ cổng thông tin điện tử) bằng file điện tử	

6	<b>Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
6.1	Đài Truyền thanh cấp xã có chuyên mục CDS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương cấp xã có triển khai chuyên mục chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh thông minh địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Văn bản triển khai được ban hành</p>	Dữ liệu điện tử và ký số	
7	<b>Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số</b>					
7.1	Tần suất phát sóng của Đài Truyền thanh cấp xã (Tối thiểu 1 bài/ 1 tuần)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương xây dựng kế hoạch truyền thông chuyên đổi số trên đài phát thanh cơ sở</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 1 tin bài được phát trong 1 tuần</li> <li>- Phát tin thông nhất trên hệ thống thông tin nguồn: điểm tối đa</li> </ul>	Dữ liệu trên hệ thống thông tin nguồn	
8	<b>Tỉ lệ người dân có kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống trên nền tảng số</b>					
8.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn tiếp cận kênh thông tin chính thống trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tuyên truyền kênh thông tin chính thống trên Hue-S thông qua các tổ chức, đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% người dân nắm thông tin</p>	Được thống kê từ hệ thống	

8.2	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động trong cơ quan nhà nước tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức tuyên truyền đến CBCCVC, người lao động tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC truy cập kênh thông tin để nắm thông tin</p>	Văn bản chỉ đạo triển khai có ký số và được thống kê từ hệ thống	
<b>II</b>	<b>Thế chế số</b>	<b>25</b>				
<b>1</b>	<b>Kế hoạch hành động 5 năm của địa phương về chuyển đổi số</b>					
1.1	Ban hành kế hoạch 5 năm của các địa phương về CDS	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số 5 năm giai đoạn 2021 – 2025</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp ngành, lĩnh vực, địa phương</p>	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
<b>2</b>	<b>Kế hoạch hành động hằng năm của địa phương về chuyển đổi số</b>					
2.1	Ban hành kế hoạch hằng năm của các địa phương về CDS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp ngành, lĩnh vực, địa phương</p>	File điện tử có ký số của Kế hoạch	

3	<b>Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>					
3.1	Ban hành chính sách của địa phương về khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương xây dựng và triển khai các chương trình hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <p>- Chương trình/ chính sách cần có tính thu hút sự tham gia của người dân trong các nội dung chính sau: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm lệ phí và hỗ trợ trả kết quả tại nhà, doanh nghiệp và một số chương trình khác theo thực tiễn thể mạnh của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Nếu TTHC của đơn vị có trong danh mục UBND tỉnh ban hành khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT vẫn được tính điểm cho đơn vị đó.</p>	File điện tử ký số Quyết định	
<b>III</b>	<b>Hạ tầng số</b>	<b>90</b>				
1	<b>Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh</b>					

1.1	Tỉ lệ CBCCVV, người lao động trong cơ quan, đơn vị (gồm đơn vị trực thuộc) có sử dụng điện thoại thông minh	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng điện thoại thông minh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% nhân sự sử dụng điện thoại thông minh</li> <li>- 100% nhân sự cài đặt Hue-S theo số điện thoại sử dụng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu kiểm chứng qua Hue-S.</li> <li>- Sở TT&amp;TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị</li> </ul>
1.2	Tỉ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn có điện thoại thông minh	7	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp xã xây dựng kế hoạch nhằm tăng số lượng người dân trưởng thành trên địa bàn có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch triển khai</li> <li>- Số liệu do Sở thông tin và Truyền thông xác nhận</li> </ul>
2	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh</b>				
2.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có điện thoại thông minh	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có ít nhất một nhân khẩu sử dụng điện thoại thông minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số liệu khảo sát</li> <li>- Số liệu xác nhận từ Cục Viễn thông</li> </ul>
3	<b>Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang</b>				

3.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng cáp quang	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp cùng doanh nghiệp đảm bảo 100% hộ gia đình có kết nối internet băng thông rộng.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có kết nối Internet bằng thông rộng</p>	Dữ liệu kiểm chứng từ số liệu quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng</b>					
4.1	Các địa phương có kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai lắp đặt kết nối mạng diện rộng tỉnh thông qua mạng số liệu chuyên dùng quốc gia (CP Net)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Kết nối thành công, đảm bảo dung lượng đường truyền theo số lượng máy.</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>5</b>	<b>Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây</b>					
5.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có sử dụng tài khoản điện toán đám mây	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương đăng ký tài khoản điện toán đám mây của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC đăng ký</p>	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	
5.2	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có phát sinh dữ liệu trên điện toán đám mây dùng chung	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương có triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ công vụ của từng công chức,</p>	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	



				<p>viên chức trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có dữ liệu phát sinh lưu trữ</p>		
<b>6</b>	<b>Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung</b>					
6.1	Nền tảng Báo cáo số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <p>+ Các địa phương triển khai sử dụng nền tảng báo cáo số (Trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương – triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh để các đơn vị/doanh nghiệp trên địa bàn báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước địa phương-UBND cấp xã.</p> <p>+ Báo cáo số được tích hợp trên Hue-S, trên Cổng Chuyên đổi số của tỉnh, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thừa Thiên Huế).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Phát sinh và khai thác tối thiểu 5 báo cáo số</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.2	Nền tảng Số hóa	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh (được tích hợp trên Hue-S và trên Trang TTĐT <a href="http://sohoa.thuathienhue.gov.vn">sohoa.thuathienhue.gov.vn</a>).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tối thiểu 5 đối tượng dữ liệu (bảng dữ liệu) được số hóa lên nền tảng dùng chung</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	

6.3	Nền tảng làm việc số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng làm việc số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đã đưa vào sử dụng</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.4	Nền tảng Quản lý bản đồ GIS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương sử dụng nền tảng bản đồ số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - có ít nhất một bản đồ được đưa vào sử dụng</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
<b>IV</b>	<b>Nhân lực số</b>	<b>45</b>				
<b>1</b>	<b>Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm</b>					
1.1	Tỉ lệ thôn, xóm, tổ dân phố có thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng	8	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp xã ban hành Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, xóm, tổ dân phố</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% các thôn xóm, tổ dân phố có thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
1.2	Đảm bảo thành phần trong tổ	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương khi thành lập tổ phải đảm bảo đầy đủ các thành phần theo hướng dẫn: người có uy tín, đoàn thanh niên, khuyến khích doanh nghiệp tham gia</p>	Quyết định file điện tử có ký số	

				2. Điều kiện đảm bảo: - 100% các thôn xóm, tổ dân phố có Tổ Công nghệ số cộng đồng đảm bảo thành phần theo hướng dẫn		
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số</b>					
2.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm CĐS (chuyên trách đối với sở ban ngành, UBND cấp huyện; khuyến khích đối với cấp xã)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số của đơn vị</li> <li>- UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phân công nhân sự kiêm nhiệm phụ trách chuyển đổi số tại các xã, phường, thị trấn (Khuyến khích chuyên trách đối với cấp xã).</li> </ul> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng</b>					
3.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin mạng của đơn vị (chuyên trách đối với sở ban ngành, UBND cấp huyện, khuyến khích đối với cấp xã; có thể sử dụng nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm CĐS)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	

<b>4</b>	<b>Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số</b>					
4.1	Tỉ lệ công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT (do Sở TTTT triển khai trên Hue-S)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị triển khai theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC, NLĐ tham gia đào tạo khi có triển khai; Điểm được tính theo tỉ lệ.</p>	Sở TTTT thống kê từ hệ thống	
4.2	Tự tổ chức hội nghị tập huấn (Tối thiểu 1 lần/năm)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tự tổ chức hoặc mời chuyên gia đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho CBCCVC trong đơn vị.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Có tổ chức tối thiểu 1 lần/ năm đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Các văn bản triển khai có ký số/ hình ảnh liên quan.	
<b>5</b>	<b>Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch</b>					
5.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch (trên Hue-S)	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông qua tổ công nghệ số cộng đồng phổ biến nền tảng OneTouch cho người dân.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 50% người lao động được tập huấn</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>V</b>	<b>An toàn thông tin mạng</b>	<b>25</b>				

1	<b>Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)</b>					
1.1	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống mã độc tập trung của tỉnh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí</p>	- Kiểm chứng theo dữ liệu tại trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC)	
1.2	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung của tỉnh	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí</p>	- Kiểm chứng theo dữ liệu tại IOC	
2	<b>Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc</b>					
2.1	Tỉ lệ máy tính bị nhiễm mã độc	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Không có máy tính bị nhiễm mã độc hoặc nếu có thì 100% máy tính bị nhiễm nhưng đã được xử lý, loại bỏ mã độc kịp thời</p>	Số liệu kiểm chứng được cung cấp từ Sở Thông tin và Truyền thông	

3	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước					-
3.1	Số lượng sự cố đã phát hiện trong UBND cấp xã.	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các công cụ tổ chức giám sát phát hiện và cảnh báo an toàn thông tin trên hệ thống mạng CPNet của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Không có sự cố xảy ra.</p>	Thống kê trên hệ thống	-
4	<b>Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước</b>					
4.1	Số lượng sự cố đã xử lý trong UBND cấp xã	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo xử lý 100% sự cố an toàn thông tin trong đơn vị khi phát hiện sự cố mất an toàn thông tin.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thực hiện xử lý khi xảy ra sự cố</li> <li>- Không xảy ra sự cố thì đạt điểm tối đa</li> </ul>	Hình ảnh và hồ sơ kèm theo	
<b>VI</b>	<b>Hoạt động chính quyền số</b>	<b>165</b>				
<b>1</b>	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT</b>					
1.1	Các UBND cấp xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: - Các UBND cấp xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: có vận hành DVCTT trên Hue-S</p>	Văn bản triển khai; Hình ảnh giao diện triển khai; Sở TT&TT rà soát, cung cấp.	

2	<b>Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp</b>					
2.1	Tỉ lệ xử lý phản ánh hiện trường đúng hạn, trước hạn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
2.2	Tỉ lệ mức độ hài lòng việc xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
2.3	Tỉ lệ trả lại phản ánh không đúng thẩm quyền, đúng thời gian	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
2.4	Tỉ lệ tương tác phản ánh của công dân có ý kiến	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	

2.5	Tỉ lệ bức xúc kết quả xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa</b>					
3.1	Tỉ lệ hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Thống kê trên hệ thống	
3.2	Tỉ lệ hồ sơ DVCTT tái sử dụng hồ sơ điện tử	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai tái sử dụng hồ sơ điện tử.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ DVCTT được tái sử dụng</p>	Hình ảnh/ video triển khai; Sổ TTTT theo dõi trên hệ thống	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến</b>					
4.1	Tỉ lệ hồ sơ đăng ký trực tuyến trên tổng hồ sơ phát sinh	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị tham mưu các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia đăng ký DVCTT.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến</b>					



5.1	Tỉ lệ hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa</p>	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
5.2	Tỉ lệ xử lý hồ sơ DVC trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% các bước quy trình xử lý dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng thông qua hệ thống dùng chung của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa</p>	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
<b>6</b>	<b>Thanh toán DVC trực tuyến</b>					
6.1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, địa phương tăng cường tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tham gia thanh toán DVC trực tuyến trên cổng DVCTT</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao</p>	Thống kê trên hệ thống	
<b>7</b>	<b>Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT</b>					

7.1	Tỉ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT của UBND cấp xã	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Sở Nội vụ tổ chức các giải pháp số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kế hoạch nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc xử lý DVCTT của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Từ hệ thống, Sở Nội vụ	
8	<b>Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước</b>					
8.1	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị cài đặt Hue-S và đăng ký tài khoản trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản</p>	Thống kê trên hệ thống	
8.2	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản</p>	Thống kê trên hệ thống	

				Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung.		
8.3	Triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tỷ lệ CBCCVC và người lao động trong đơn vị tổ chức triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S (văn phòng số) tại đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tính tỉ lệ CBCCVC và người lao động sử dụng trên tổng điểm	Đánh giá thông qua theo dõi từ hệ thống	
<b>9</b>	<b>Triển khai nền tảng hợp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân</b>					
9.1	Có triển khai tối thiểu 05 cuộc họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 05 cuộc họp	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
<b>10</b>	<b>Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước</b>					
10.1	Có triển khai báo cáo số tại các cơ quan, đơn vị	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng báo cáo số trên Hue-S tại đơn vị, địa phương	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai		
<b>11</b>	<b>Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức</b>					
11.1	Tỉ lệ CBCCVC sử dụng nền tảng trợ lý ảo (khi đã triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng trợ lý ảo tại đơn vị, địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC sử dụng	Thống kê trên hệ thống	
<b>12</b>	<b>Triển khai Trang thông tin điện tử</b>					
12.1	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24-06-2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở ban ngành, địa phương tổ chức triển khai cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% nội dung trên Trang thông tin điện tử được cung cấp theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP	Thống kê trên hệ thống	
<b>VII</b>	<b>Hoạt động kinh tế số</b>	<b>40</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP</b>					

1.1	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
1.2	Doanh thu phát sinh từ các giao dịch trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp tuyên truyền đến tận hộ gia đình về sử dụng ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Doanh thu phát sinh trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S từ giao dịch của người dân địa phương tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
1.3	Tỷ lệ CBCCVC có thực hiện giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị thực hiện thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ CBCCVC có phát sinh giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Thống kê trên hệ thống	
2	<b>Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định</b>					

2.1	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định trên địa bàn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thống kê điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định trên địa bàn.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thống kê tỷ lệ thuận theo số điểm</p>	Báo cáo số liệu có ký số	
<b>VII</b>	<b>Hoạt động xã hội số</b>	<b>120</b>				
<b>1</b>	<b>Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử</b>					
1.1	Số lượng người dân trên địa bàn có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Công an tỉnh tổ chức cấp phát tài khoản định danh điện tử cho người dân thông qua cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân được cấp phát tài khoản định danh điện tử.</p>	Báo cáo ký số xác nhận	
1.2	Tỉ lệ người dân trên địa bàn có cài đặt Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương cài đặt Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân có sử dụng điện thoại thông minh có cài Hue-S</p>	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân trên địa bàn; Số dân có cài đặt Hue-S: thống kê trên hệ thống	

2	<b>Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác</b>					
2.1	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương từ 15 từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài đặt ví điện tử trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S</p>	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn; Số dân có cài đặt ví điện tử trên Hue-S: thống kê trên hệ thống	
2.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có tài khoản giao dịch tại ngân hàng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tuyên truyền về thanh toán không tiền mặt</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.</p>	Kiểm chứng thông qua tài liệu báo cáo của Ngân hàng nhà nước	
3	<b>Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân</b>					
3.1	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token.</p>	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của Trung tâm chứng thực chữ ký số quốc gia	
3.2	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC</p>	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của TT chứng thực chữ ký số quốc gia	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động.		
<b>4</b>	<b>Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)</b>					
4.1	Số hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai số hóa và cấp địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
<b>5</b>	<b>Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông</b>					
5.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, truy cập kỹ năng số trên Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
<b>6</b>	<b>Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử</b>					
6.1	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, cài đặt, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	



				có điện thoại thông minh trên địa bàn có hồ sơ sức khỏe điện tử.		
<b>7</b>	<b>Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số</b>					
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối để đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi đầu tư từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>8</b>	<b>Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số</b>					
8.1	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối nguồn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để chi thường xuyên cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi thường xuyên từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
<b>9</b>	<b>Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền</b>					

9.1	Số lượng vấn đề lấy ý kiến người dân	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị;</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối đa 10 ý kiến/năm, mỗi ý kiến 1 điểm</p>	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	
9.2	Tỉ lệ trả lời hỏi đáp trên Cổng/Trang TTĐT	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị;</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% các câu hỏi được trả lời</p>	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	